

Số: 47/2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ
Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là ngành Nông nghiệp).

2. Thông tư này không áp dụng đối với việc xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”, Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam và Danh hiệu “Doanh nghiệp vì nhà nông”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tập thể, cá nhân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội, Hiệp hội hoạt động trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

Tập thể được xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 1, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 (sau đây viết tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BNV) và các quy định sau:

1. Cấp nào chủ trì phát động thi đua theo đợt, theo chuyên đề thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên xét khen thưởng. Việc khen thưởng chủ yếu là tự khen thưởng ở cấp mình, trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc, có tác dụng lớn thì đề nghị Bộ trưởng tặng Bằng khen hoặc Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen đối với phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba đối với phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên.

2. Trong một năm, không trình hai hình thức khen thưởng từ cấp Bộ trở lên cho một đối tượng, trừ trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất hoặc theo đợt, chuyên đề.

Chương II SÁNG KIẾN

Điều 4. Sáng kiến

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp (gọi chung là giải pháp) mới được tạo ra hoặc cải tiến các giải pháp trước đó, được áp dụng hoặc áp dụng thử để tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác, mang lại lợi ích thiết thực, cụ thể:

a) Giải pháp kỹ thuật: là cách thức, phương tiện kỹ thuật, công nghệ mới được sáng tạo hoặc ứng dụng nhằm giải quyết một nhiệm vụ.

b) Giải pháp quản lý: là cách thức tổ chức, điều hành công việc của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm đạt mục đích nhất định trong công việc.

c) Giải pháp tác nghiệp: là việc tham mưu, đề xuất các phương pháp thực hiện nhiệm vụ giúp chủ thể quản lý giải quyết công việc đạt hiệu quả.

2. Sáng kiến cấp toàn quốc là sáng kiến được áp dụng có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc (toàn ngành).

3. Sáng kiến cấp Bộ là sáng kiến được áp dụng có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ.

4. Sáng kiến cấp cơ sở là sáng kiến được áp dụng có phạm vi ảnh hưởng tại cơ sở.

Điều 5. Đề tài, dự án khoa học công nghệ tương đương sáng kiến

1. Đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp cơ sở đã được nghiệm thu, đánh giá từ loại khá trở lên, được triển khai có hiệu quả trong thực tiễn thì được đề nghị xét công nhận sáng kiến cấp cơ sở.

2. Đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp Bộ, cấp nhà nước đã được nghiệm thu, đánh giá từ loại khá trở lên và được triển khai, áp dụng có hiệu quả trong toàn ngành, toàn quốc thì được đề nghị xét công nhận sáng kiến cấp Bộ hoặc cấp toàn quốc.

3. Đề tài, dự án khoa học công nghệ đạt Giải thưởng Vifotec, Kovalevskaia, Khoa học sáng tạo; các tiến bộ khoa học kỹ thuật cấp Bộ, cấp nhà nước đã được quyết định công nhận; Bằng Lao động sáng tạo (do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận) được tính tương đương sáng kiến cấp Bộ hoặc cấp toàn quốc.

Điều 6. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng:

a) Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở cho các cá nhân thuộc cơ quan, đơn vị;

b) Xét, trình Hội đồng sáng kiến cấp Bộ xét công nhận sáng kiến cấp Bộ, cấp toàn quốc cho các cá nhân của cơ quan, đơn vị.

3. Thành phần của Hội đồng:

a) Chủ tịch: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

b) Các ủy viên là những người có trình độ quản lý, chuyên môn, kỹ thuật, có năng lực đánh giá, thẩm định sáng kiến, đề tài trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

4. Tổng cục trưởng, Giám đốc Viện đặc biệt, Tổng giám đốc Tập đoàn, Tổng công ty có thể ủy quyền cho thủ trưởng các đơn vị trực thuộc thành lập Hội đồng sáng kiến để xét và công nhận sáng kiến cho các cá nhân thuộc đơn vị.

Điều 7. Hội đồng sáng kiến cấp Bộ

1. Hội đồng sáng kiến cấp Bộ do Bộ trưởng quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng: Quyết định công nhận sáng kiến cấp Bộ, cấp toàn quốc.

3. Thành phần Hội đồng sáng kiến cấp Bộ gồm:

a) Chủ tịch: Thứ trưởng phụ trách thi đua khen thưởng hoặc Thứ trưởng phụ trách khoa học công nghệ của Bộ;

b) Phó chủ tịch: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường;

c) Các ủy viên: Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;

d) Ủy viên thường trực: Phó vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ phụ trách công tác thi đua khen thưởng;

đ) Ủy viên Thư ký: Trưởng phòng Phòng Thi đua, Khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ.

Điều 8. Quy trình xét, công nhận sáng kiến

1. Cá nhân làm báo cáo đề nghị công nhận sáng kiến.

2. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

a) Xét, đánh giá tác dụng, hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến;

b) Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở (kể cả các sáng kiến đề nghị công nhận sáng kiến cấp Bộ, cấp toàn quốc);

c) Xét, trình Hội đồng sáng kiến cấp Bộ đối với những cá nhân đề nghị công nhận sáng kiến cấp Bộ, cấp toàn quốc.

3. Hội đồng sáng kiến cấp Bộ:

a) Xét, đánh giá phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến;

b) Quyết định công nhận sáng kiến cấp Bộ, cấp toàn quốc theo mức độ, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến.

4. Quyết định của Hội đồng sáng kiến các cấp được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng (đối với các thành viên vắng mặt phải lấy ý kiến bằng văn bản).

Chương III CÔNG TÁC THI ĐUA

Điều 9. Các hình thức thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và được triển khai thực hiện hàng ngày.

2. Thi đua theo đợt: Là hình thức thi đua trong một khoảng thời gian nhất định nhằm thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của bộ, ngành hoặc lĩnh vực chuyên môn của cơ quan, đơn vị.

3. Thi đua theo chuyên đề: Là hình thức thi đua thực hiện lĩnh vực chuyên môn, ngành nghề cụ thể trong giai đoạn xác định.

Điều 10. Các bước tổ chức phong trào thi đua

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức phong trào thi đua:

Nội dung kế hoạch cần xác định rõ: mục đích, yêu cầu; phạm vi, đối tượng, tên phong trào và thời gian thực hiện; nội dung thi đua, các chỉ tiêu thi đua và biện pháp tổ chức thực hiện.

Chỉ tiêu, biện pháp tổ chức thi đua phải có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị; chỉ tiêu đặt ra phải cao hơn mức bình thường để từng tập thể, cá nhân nỗ lực, tích cực phấn đấu hoàn thành.

2. Tổ chức phát động thi đua:

Tổ chức lễ phát động thi đua đảm bảo trang trọng, thiết thực, hiệu quả; tại lễ phát động có phát biểu hưởng ứng phong trào thi đua của đại diện tập thể, cá nhân; ký giao ước triển khai thực hiện phong trào thi đua.

3. Tổ chức thực hiện:

a) Tổ chức tuyên truyền để động viên, khuyến khích, thu hút đông đảo cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua;

b) Tổ chức chỉ đạo điểm phong trào thi đua nhằm rút kinh nghiệm triển khai trên diện rộng;

c) Kiểm tra, hướng dẫn, đánh giá quá trình thực hiện phong trào thi đua, kịp thời phát hiện, điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị;

d) Phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết: đánh giá kết quả thực hiện, lựa chọn khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua.

Điều 11. Tổ chức, hoạt động khối thi đua

1. Tổ chức khối thi đua:

Bộ tổ chức các Khối thi đua theo Phụ lục 1 của Thông tư này.

Khối trưởng, khối phó Khối thi đua thực hiện theo cơ chế luân phiên hoặc do Khối bình bầu theo quy chế hoạt động của Khối.

2. Nhiệm vụ khối trưởng, khối phó và các thành viên trong Khối:

a) Khối trưởng:

Xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung và các chỉ tiêu để ký kết giao ước thi đua, quy chế hoạt động của Khối; các tiêu chí, thang điểm phù hợp với đặc điểm của Khối.

Tổ chức ký kết giao ước thi đua, phát động phong trào thi đua trong Khối; phối hợp tổ chức các hoạt động chung của Khối như: giao lưu, trao đổi, học tập kinh nghiệm và kiểm tra chéo giữa các thành viên trong Khối.

Tổ chức sơ kết 6 tháng, tổng kết năm đánh giá kết quả hoạt động của Khối.

Chủ trì chấm điểm thi đua, bình chọn, suy tôn đơn vị có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Khối phó:

Phối hợp với khối trưởng xây dựng kế hoạch, chương trình và điều hành hoạt động của Khối.

Giải quyết công việc khi khối trưởng ủy quyền.

c) Các đơn vị thành viên trong Khối:

Đăng ký nội dung, chỉ tiêu thi đua hàng năm gửi khối trưởng trong dịp tổng kết hàng năm của Khối.

Tham gia xây dựng nội dung, các tiêu chí thi đua, thang bảng điểm. Triển khai thực hiện các nội dung đã ký kết giao ước thi đua; tổ chức phát động thi đua trong đơn vị.

Phổ biến, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả để các thành viên trong Khối tham khảo, học tập.

Tham gia đầy đủ, đúng thành phần và có trách nhiệm đối với các hoạt động của Khối. Báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua 6 tháng, một năm; tự chấm điểm thi đua theo nội dung, tiêu chí thi đua đã đăng ký và gửi báo cáo kết quả cho khối trưởng đúng thời gian quy định.

3. Hoạt động của Khối thi đua:

a) Tổ chức các hoạt động liên kết như: tọa đàm, giao lưu, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội, kiểm tra, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm các mô hình, điển hình tiên tiến... phù hợp với thực tiễn của từng Khối.

b) Tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết năm hoạt động của Khối.

c) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo sơ kết, tổng kết năm với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Thời gian tổ chức sơ kết, tổng kết, ký kết giao ước thi đua trong Khối:

a) Đối với các Khối thi đua:

Tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm vào tháng 6 và tổng kết trước ngày 30/11 hàng năm.

Ký kết giao ước thi đua kết hợp với Hội nghị tổng kết Khối hoặc tổ chức riêng trong quý I hàng năm.

b) Đối với Khối Trường:

Tổ chức sơ kết 6 tháng vào dịp tổng kết học kỳ I của năm học.

Tổng kết và ký kết giao ước thi đua trước ngày 30/7 hàng năm.

Điều 12. Cờ thi đua

1. Đối tượng xét tặng:

a) Các cơ quan, đơn vị trong các Khối thi đua của Bộ được quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Thông tư này.

b) Các cơ quan, đơn vị chưa đủ điều kiện thành lập được khối thi đua như các chi cục vùng, cơ quan vùng, trung tâm trực thuộc Cục; các phân viện, trung tâm trực thuộc Viện; các nông trường, nhà máy, xí nghiệp trực thuộc công ty nhưng có thành tích xuất sắc thì đơn vị cấp trên trực tiếp xét, lựa chọn tập thể xuất sắc nhất trình Bộ.

2. Cờ thi đua hàng năm:

a) Cờ Thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 (sau đây viết tắt là Luật TĐKT năm 2003).

Với chỉ tiêu như sau:

Xét tặng 01 cờ đối với khối có 05 đơn vị;

Xét tặng 02 cờ đối với khối có từ 06 đến 09 đơn vị;

Xét tặng 03 cờ đối với khối có từ 10 đến 12 đơn vị;

Xét tặng 04 cờ đối với khối có từ 13 đơn vị trở lên.

b) Cờ thi đua của Chính phủ tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 25 Luật TĐKT năm 2003 và Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 (sau đây viết tắt là Luật TĐKT sửa đổi năm 2013).

Số lượng xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Bộ.

3. Cờ thi đua theo đợt, theo chuyên đề:

Bộ xét tặng Cờ thi đua của Bộ đối với phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên; Bộ xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ đối với phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên cho các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo đợt, theo

chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát động.

Tập thể được xét tặng phải có thành tích xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu thi đua, đóng góp vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn nói riêng và sự phát triển của đất nước nói chung.

Điều 13. Bức trưng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bộ trưởng xét, tặng Bức trưng cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố; các Hội, Hiệp hội nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống năm tròn, năm chẵn hoặc đại hội nhiệm kỳ và một số trường hợp đặc biệt khác.

Chương IV CÔNG TÁC KHEN THƯỞNG

Điều 14. Các loại hình khen thưởng

Các loại hình khen thưởng được thực hiện theo khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 10 Thông tư số 07/2014/TT-BNV, cụ thể:

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được.
2. Khen thưởng theo đợt (hoặc theo chuyên đề).
3. Khen thưởng đợt xuất.
4. Khen thưởng quá trình cống hiến.
5. Khen thưởng đối ngoại.

Điều 15. Quy định về thời gian trình xét khen thưởng theo thành tích và công trạng

1. Danh hiệu “Anh hùng Lao động”: 5 năm xét một lần vào dịp chuẩn bị tổ chức Hội nghị điển hình tiên tiến, Đại hội thi đua yêu nước các cấp, trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đợt xuất.

2. Huân chương Sao Vàng: 25 năm sau khi được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh.

3. Huân chương Hồ Chí Minh: 10 năm sau khi được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất.

Tập thể đã được tặng thưởng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ nhất và 15 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh thì được xét tặng “Huân chương Hồ Chí Minh” lần thứ hai.

4. Huân chương Độc lập: 10 năm sau khi được tặng thưởng Huân chương cấp thấp hơn liền kề.

5. Huân chương Lao động: 05 năm sau khi được tặng thưởng hình thức khen thưởng cấp thấp hơn liền kề.

6. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” lần thứ hai.

7. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thực hiện cùng năm được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được thực hiện theo điều 27 Luật TĐKT năm 2003.

Không xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đối với các Tổng cục, Viện xếp hạng đặc biệt, Tập đoàn, Tổng công ty.

Điều 17. Danh hiệu chiến sĩ thi đua

1. Danh hiệu chiến sĩ thi đua:

Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ, cấp toàn quốc phải có sáng kiến, đề tài nghiên cứu được Hội đồng sáng kiến các cấp xét công nhận.

2. Quy định tỷ lệ Chiến sĩ thi đua cơ sở:

Tỷ lệ xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở hàng năm không quá 15% trong tổng số cá nhân được công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị, trong đó lãnh đạo (những người được hưởng phụ cấp trách nhiệm) chiếm không quá 50%.

Điều 18. Tiêu chuẩn xét tặng các hình thức khen thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. “Huân chương Sao vàng” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 34 Luật TĐKT năm 2003, Khoản 10 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013 và Điều 7 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. “Huân chương Hồ Chí Minh” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 35 Luật TĐKT năm 2003, Khoản 11 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013 và Điều 8 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

3. “Huân chương Độc lập” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 12, 13, 14 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013 và các điều 9, 10, 11 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

4. “Huân chương Lao động” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 18, 19, 20 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013 và các điều 15, 16, 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

5. “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc” hạng nhất, hạng nhì, hạng ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 21, 22, 23 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013 và các điều 18, 19, 20 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

6. “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc”, “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 27, 28 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013 và Điều 21 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

7. Danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động” để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đạt tiêu chuẩn quy định tại các khoản 30, 31 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013.

8. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” thực hiện theo quy định tại Khoản 32 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013, Điều 45 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 27/2015/NĐ-CP ngày 10/3/2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”.

9. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú” thực hiện theo quy định tại Khoản 33, Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013, Điều 45 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 41/2015/NĐ-CP ngày 05/5/2015 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”.

10. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” thực hiện theo quy định tại Khoản 35, Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013, Điều 45 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25/12/2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

11. “Giải thưởng Hồ Chí Minh” để tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 66, 67 của Luật TĐKT năm 2003 và Điều 46 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

12. “Giải thưởng Nhà nước” để tặng cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 66, 68 Luật TĐKT năm 2003; Khoản 36, Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013; Điều 47 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

13. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân và tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 38 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013 và Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Điều 19. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Khen thưởng theo thành tích và công trạng:

a) Đối tượng: các tập thể, cá nhân thuộc Bộ.

b) Tiêu chuẩn:

Cá nhân: gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến cấp cơ sở đã được quyết định công nhận.

Tập thể: gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Những tập thể không thuộc đối tượng xét danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” khi xem xét đề nghị tặng thưởng “Bằng khen của Bộ trưởng”, thì được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

2. Khen thưởng theo chuyên đề:

a) Đối tượng: các tập thể, cá nhân trong và ngoài ngành.

b) Tiêu chuẩn:

Cá nhân, tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ tướng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ hoặc Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố hoặc cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh phát động hàng năm.

3. Khen thưởng đột xuất:

a) Đối tượng: các tập thể, cá nhân trong và ngoài ngành.

b) Tiêu chuẩn:

Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, góp phần vào sự phát triển của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Khen thưởng cho công nhân: luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có ít nhất từ 01 sáng kiến cấp cơ sở trở lên, có đóng góp trong việc đào tạo, hướng dẫn, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao chuyên môn, tay nghề.

5. Khen thưởng cho nông dân: có mô hình sản xuất kinh doanh, mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới có hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, có đóng góp tích cực thực hiện xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương...

6. Khen thưởng cho hộ gia đình: gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai, tài sản, thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn tại địa phương, được các cấp có thẩm quyền tại địa phương xác nhận.

7. Trường hợp đặc biệt, cơ quan thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Bộ đề xuất, trình Bộ trưởng xem xét tặng Bằng khen.

Điều 20. Giấy khen của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

Việc xét tặng Giấy khen của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện theo quy định tại Khoản 42 Điều 1 Luật TĐKT sửa đổi năm 2013.

Chương V
TUYẾN TRÌNH, THẨM QUYỀN, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG
VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG

Điều 21. Tuyển trình

1. Tuyển trình khen thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: cấp trên chỉ tổ chức xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng khi nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng của cấp dưới trực tiếp; không nhận và xét hồ sơ gửi vượt cấp.

2. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng và trình cấp trên xét khen thưởng.

3. Đối với các Hội, Hiệp hội hoạt động trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Bộ khen thưởng hoặc trình cấp trên xét khen thưởng.

4. Đối với các công ty cổ phần kể cả công ty cổ phần đã chuyển giao phần vốn nhà nước về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước quản lý, công ty trách nhiệm hữu hạn: việc xét, trình khen thưởng theo nguyên tắc cấp nào quyết định cổ phần hóa, quyết định thành lập tổ chức thì cấp đó xem xét quyết định khen thưởng.

Đối với các công ty cổ phần, công ty TNHH một thành viên thuộc Tập đoàn, Tổng công ty: việc bình xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân của đơn vị do Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) hoặc Tổng giám đốc của Tập đoàn, Tổng công ty xét khen thưởng và trình Bộ khen thưởng.

5. Đối với các tập thể, cá nhân ngoài ngành do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội, Hiệp hội hoạt động trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quá trình phối hợp hoạt động trình Bộ khen thưởng.

Vụ Hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối tổng hợp hồ sơ trình Bộ xét khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân là người nước ngoài.

Điều 22. Thẩm quyền xét khen thưởng của Bộ trưởng:

1. Xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Huân chương các loại, danh hiệu Anh hùng Lao động và các hình thức khen thưởng khác theo quy định.

2. Quyết định:

Tặng thưởng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;

Tặng Cờ thi đua của Bộ, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng, Bức thư.

3. Hiệp y khen thưởng theo đề nghị của Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương cho tập thể, cá nhân thuộc lĩnh vực quản lý ngành của Bộ.

4. Ủy quyền Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ quyết định khen thưởng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho các đơn vị thành viên và đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền được quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 23. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ) do Bộ trưởng quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ gồm:

- a) Chủ tịch: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Các Phó chủ tịch: Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua khen thưởng; Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chủ tịch Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;
- c) Các thành viên: Phó Bí thư Đảng ủy Bộ, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ và lãnh đạo cơ quan, đơn vị liên quan.
- d) Ủy viên thường trực: Phó vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ phụ trách lĩnh vực thi đua khen thưởng

đ) Ủy viên thư ký: Trưởng phòng Phòng Thi đua Khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ.

3. Cơ quan Thường trực Hội đồng: Vụ Tổ chức cán bộ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

Điều 24. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập, thành phần gồm:

- a) Chủ tịch: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.
- b) Phó Chủ tịch: Chủ tịch Công đoàn và Phó Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.
- c) Các ủy viên: Căn cứ vào điều kiện cụ thể để cơ cấu thành phần gồm đại diện cấp ủy Đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, trưởng đơn vị (bộ phận) tham mưu công tác thi đua khen thưởng, trưởng một số bộ phận chuyên môn do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở:

- Tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng các đơn vị về công tác thi đua khen thưởng tại cơ quan, đơn vị.
- Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của Bộ về công tác thi đua khen thưởng;
- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đề xuất sửa đổi, bổ sung các chủ trương, chính sách về công tác thi đua, khen thưởng;
- Theo dõi, đánh giá và kiến nghị, đề xuất với Bộ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua;
- Xét chọn những tập thể, cá nhân trong và ngoài ngành có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, đề nghị Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan đơn vị khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

Điều 25. Tổ thẩm định thành tích, sáng kiến của Bộ

1. Tổ thẩm định thành tích, sáng kiến của Bộ (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định) do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ quyết định thành lập.

Tổ thẩm định hoạt động theo quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ và Hội đồng sáng kiến cấp Bộ.

2. Thành phần Tổ thẩm định gồm:

a) Tổ trưởng: Phó vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng.

b) Thành viên: Lãnh đạo một số Vụ, Cục chuyên ngành và cơ quan, đơn vị liên quan.

c) Ủy viên thư ký: Trưởng phòng Phòng Thi đua, Khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ.

3. Tổ thẩm định có nhiệm vụ tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Hội đồng sáng kiến Bộ:

a) Thẩm định thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng.

b) Xét, đánh giá mức độ, phạm vi ảnh hưởng, tác dụng hiệu quả của các sáng kiến, đề tài, dự án khoa học công nghệ của các cá nhân do các cơ quan, đơn vị đề nghị.

Điều 26. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Bộ

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Bộ gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị (hoặc Trưởng khối thi đua) theo mẫu số 2, phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị theo mẫu số 3 phụ lục 2 của Thông tư này (áp dụng đối với khen thưởng theo thành tích và công trạng, theo đợt, theo chuyên đề);

c) Báo cáo thành tích (báo cáo tóm tắt thành tích) của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng:

Cờ thi đua của Bộ, Tập thể Lao động xuất sắc theo mẫu số 7 phụ lục 2 của Thông tư này.

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ” theo mẫu số 8, phụ lục 2 của Thông tư này.

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo mẫu số 7, mẫu số 8 (đối với khen thưởng theo công trạng), mẫu số 12 (đối với khen thưởng đợt xuất), mẫu số 13 (đối với khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề), mẫu số 14 (đối với khen thưởng đối ngoại), phụ lục 2 của Thông tư này.

d) Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở (bản photo);

đ) Quyết định công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc (bản photo);

e) Xác nhận của Cục thuế cấp tỉnh, thành phố đối với đơn vị, thủ trưởng các đơn vị thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc). Số năm xác nhận thuế tương ứng với số năm trong báo cáo thành tích (bản photo);

f) Xác nhận về việc thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... cho người lao động (bản photo);

g) Xác nhận của chính quyền địa phương về việc thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước tại địa bàn nơi đóng trụ sở (bản photo);

2. Hồ sơ đề nghị Bằng khen Bộ trưởng đối với một số trường hợp đặc biệt gồm Tờ trình của cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (Vụ Tổ chức cán bộ).

3. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận sáng kiến cấp bộ, cấp toàn quốc gồm 01 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị theo mẫu số 4, phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở;

c) Báo cáo đề nghị công nhận sáng kiến theo mẫu số 6, phụ lục 2 của Thông tư này;

d) Báo cáo tóm tắt sáng kiến theo mẫu số 5, phụ lục 2 của Thông tư này;

đ) Các bản photo giấy chứng nhận của sáng kiến (nếu có).

Điều 27. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp nhà nước: 03 bộ (bản chính) đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 04 bộ (bản chính) đối với Huân chương các loại; 05 bộ (bản chính) và 20 bộ (bản photo) đối với danh hiệu “Anh hùng Lao động”, gồm:

1. Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị (hoặc Trưởng Khối thi đua) theo mẫu số 2, phụ lục 2 của Thông tư này.

2. Biên bản họp Hội đồng Thi đua khen thưởng của đơn vị (hoặc Khối thi đua) theo mẫu số 3, phụ lục 2 của Thông tư này.

3. Báo cáo thành tích (báo cáo tóm tắt thành tích) của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng:

a) Cờ thi đua của Chính phủ theo mẫu số 7 phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” theo mẫu số 8, phụ lục 2 của Thông tư này;

c) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các loại theo mẫu số 7, mẫu số 8 (đối với khen thưởng theo công trạng), mẫu số 12 (đối với khen thưởng đột xuất), mẫu số 13 (đối với khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề), mẫu số 14 (đối với khen thưởng đối ngoại), phụ lục 2 của Thông tư này.

4. Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở (bản photo).

5. Quyết định công nhận tập thể lao động xuất sắc (bản photo).

6. Xác nhận của Cục thuế cấp tỉnh, thành phố đối với đơn vị, thủ trưởng các đơn vị thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc). Số năm xác nhận thuế tương ứng với số năm trong báo cáo thành tích (bản photo).

7. Xác nhận về việc thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... cho người lao động (bản photo).

8. Xác nhận của chính quyền địa phương về việc thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước tại địa bàn nơi đóng trụ sở (bản photo).

9. Bản photo xác nhận cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa (nếu có).

10. Bản photo một số các loại văn bản: sổ bảo hiểm xã hội hoặc lý lịch đảng viên.

Điều 28. Thời gian nhận hồ sơ, nơi nhận hồ sơ và thông báo kết quả

1. Thời gian nhận hồ sơ (tính theo dấu bưu điện hoặc phiếu xử lý công văn đến của Bộ):

a) Cờ thi đua trước ngày 30/11 hàng năm;

b) Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thành tích và công trạng trước ngày 30/01 hàng năm;

c) Các hình thức khen thưởng khác: không quy định thời gian;

d) Đối với khen thưởng khối trường trước ngày 30/7 hàng năm;

e) Đối với hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp bộ, cấp toàn quốc nhận làm 2 đợt:

Đợt 1 trước ngày 30/01 hàng năm.

Đợt 2 trước ngày 30/7 hàng năm.

2. Nơi nhận hồ sơ:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Tổ chức cán bộ), đồng thời gửi các file hồ sơ (ở dạng file.doc) theo địa chỉ email: tdkt@mard.gov.vn.

3. Thông báo kết quả:

a) Sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định ban hành, Cơ quan Thường trực thông báo kết quả cho đơn vị trình khen thưởng.

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng, Cơ quan Thường trực thông báo bằng văn bản cho đơn vị đề nghị khen thưởng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết luận của cấp có thẩm quyền.

Điều 29. Tổ chức trao tặng

Nghi thức tổ chức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua thực hiện theo Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương VI QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 30. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được hình thành từ:

- a) Từ nguồn ngân sách nhà nước;
- b) Nguồn đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua khen thưởng;
- c) Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Mức trích lập quỹ thi đua, khen thưởng:

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và thuộc tuyến khen thưởng Bộ:

Các đơn vị có tài khoản, con dấu riêng trích lập quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị mình tối đa bằng 19,4% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế, tiền công được duyệt cả năm (theo quy định tại Khoản 1, Điều 67, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng).

b) Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ được hình thành từ:

Mức trích lập 0,6% quỹ tiền lương và tiền công theo ngạch, bậc của công chức, viên chức của các đơn vị dự toán thuộc Bộ;

Đóng góp từ các đơn vị để gia công Kỷ niệm chương, in Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương và mua khung Bằng khen (đối với các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh thành phố, doanh nghiệp, Hội, Hiệp hội).

Điều 31: Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ:

a) Quản lý quỹ:

Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Văn phòng Bộ quản lý theo quy định.

b) Sử dụng quỹ:

Chỉ làm các hiện vật khen thưởng của Bộ.

Chi tiền thưởng, làm hiện vật hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc diện khen thưởng đột xuất, khen thưởng đặc biệt, Kỷ niệm chương cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

Chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua.

2. Quỹ Thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và thuộc tuyến khen thưởng Bộ:

a) Quản lý quỹ:

Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tham mưu giúp thủ trưởng đơn vị sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định. Số dư cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

b) Sử dụng quỹ:

Chi tiền thưởng, làm các hiện vật hoặc tặng phẩm lưu niệm kèm theo các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền khen thưởng của thủ trưởng đơn vị hoặc do đơn vị trình khen thưởng và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trên khen thưởng.

Chỉ cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua.

Điều 32. Nguyên tắc chi thưởng

1. Trách nhiệm chi thưởng:

a) Sau khi có quyết định khen thưởng, đơn vị trình khen thưởng có trách nhiệm trích quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị mình để trả tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân của đơn vị đã được cấp trên khen thưởng;

b) Quỹ thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, hàng năm phải báo cáo quyết toán tình hình sử dụng quỹ theo quy định hiện hành.

2. Mức tiền thưởng:

Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định từ Điều 70 đến Điều 77 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Vụ Tổ chức cán bộ là Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, triển khai thực hiện Thông tư này đến các cơ quan, đơn vị trong ngành.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố, các Hội, Hiệp hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2016.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 07/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn công tác thi đua và khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ; Hội đồng TĐKT TW;
- Các Bộ, cơ quan, ngành Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Các lãnh đạo Bộ;
- Thành viên HĐTĐKT Bộ;
- Các Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế Nhà nước;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Các Hội, Hiệp hội liên quan;

BỘ TRƯỞNG
(Đã ký)
Cao Đức Phát

- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công đoàn NN và PTNTVN;
- Công báo, Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ NN và PTNT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Lưu: VT, TCCB, TĐKT.

PHỤ LỤC 1

CÁC KHỐI THI ĐUA

(Kèm theo Thông tư số 47/2015/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. KHỐI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Khối Vụ, Thanh tra, Văn phòng, Đảng và Đoàn thể: (13 đơn vị)

Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Tài chính; Vụ kế hoạch; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Vụ Hợp tác quốc tế; Vụ Pháp chế; Vụ Quản lý doanh nghiệp; Thanh tra Bộ; Văn phòng Bộ; Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Đảng uỷ Bộ; Công đoàn Cơ quan Bộ; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Khối Tổng cục, Cục chuyên ngành, Cục tổng hợp: (12 đơn vị)

Tổng cục Lâm nghiệp; Tổng cục Thủy sản; Tổng cục Thủy lợi; Cục Bảo vệ thực vật; Cục Thú y; Cục Chăn nuôi; Cục Trồng trọt; Cục Chế biến nông lâm thủy sản và nghề muối; Cục Quản lý xây dựng công trình; Cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn; Cục Quản lý Chất lượng nông sản và thủy sản; Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

II. KHỐI SỰ NGHIỆP

1. Khối Trung tâm, Báo, Tạp chí, Bệnh viện: (7 đơn vị)

Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp; Trung tâm Tin học và Thống kê; Trung tâm Xúc tiến Thương mại nông nghiệp; Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Báo Nông nghiệp Việt Nam; Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

2. Khối Ban quản lý dự án: (13 đơn vị)

Ban Quản lý Trung ương các Dự án Thủy lợi; Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp; Ban Quản lý các Dự án Nông nghiệp; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 1; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 3; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 5; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 6; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 7; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 8; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 9; Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 10.

3. Khối Viện trực thuộc Bộ:

a) Khối 1: (9 đơn vị)

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; Viện Chăn nuôi; Viện Thú y; Viện Nghiên cứu Hải sản; Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản I; Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản II; Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản III.

b) Khối 2: (7 đơn vị)

Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch; Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn; Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp; Viện Quy hoạch Thủy lợi; Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam; Viện Điều tra, Quy hoạch rừng; Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản.

4. Khối trường: Chia thành 04 Khối

a) Khối 1: các Trường Đại học, Cán bộ Quản lý, Cao đẳng (12 trường)

Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Trường Đại học Lâm nghiệp; Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Trường Đại học Thủy lợi; Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn I; Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 2; Trường Cao đẳng Thủy sản; Trường Cao đẳng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ; Trường

Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ; Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Hà Nội; Trường Cao đẳng Nông Lâm Đông Bắc; Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm.

2. Khối 2: các Trường Cao đẳng chuyên nghiệp, Trung cấp chuyên nghiệp (08 trường)

Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ; Trường Cao đẳng Công nghệ - Kinh tế và Thủy lợi miền Trung; Trường Cao đẳng Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc; Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ; Trường Trung học Lâm nghiệp Tây Nguyên; Trường Trung học Thủy sản; Trường Trung học Công nghệ Lương thực, thực phẩm; Trường Cao đẳng Lương thực - thực phẩm.

3. Khối 3: các Trường Cao đẳng nghề cơ điện, Trung cấp nghề cơ điện (10 trường)

Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Hà Nội; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Phú Thọ; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Thủy lợi; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện, Xây dựng và Nông lâm Trung Bộ; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện Tây Bắc; Trường Cao đẳng nghề Cơ điện và Công nghệ thực phẩm Hà Nội; Trường Trung cấp nghề Cơ điện Đông Nam Bộ; Trường Trung cấp nghề Việt Tiệp (thuộc Công ty OLECO-CTCP); Trường Cao đẳng nghề Cơ điện - Xây dựng Việt Xô.

4. Khối 4: các Trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề (09 trường)

Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Nam Bộ; Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Đông Bắc; Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ; Trường Cao đẳng nghề Cơ khí Nông nghiệp; Trường Cao đẳng nghề Công nghệ, Kinh tế và Chế biến lâm sản; Trường Cao đẳng nghề Cơ giới Ninh Bình; Trường Cao đẳng nghề Công nghệ, Kinh tế và Thủy sản; Trường Cao đẳng nghề Cơ giới và Thủy lợi; Trường Cao đẳng nghề Cơ giới.

III. KHỐI TỔNG CÔNG TY:

1. Khối 1: (08 đơn vị)

Tổng công ty Lương thực miền Nam; Tổng công ty Lương thực miền Bắc; Tổng công ty Mía đường I - CTCP; Tổng công ty Mía đường II - CTCP; Tổng công ty Cà phê Việt Nam; Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam; Tổng công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP; Tổng công ty Dầu tầm tơ Việt Nam.

2. Khối 2: (08 đơn vị)

Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP; Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP; Tổng công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP; Tổng công ty Xây dựng Nông nghiệp Việt Nam - CTCP; Tổng công ty Vật tư nông nghiệp; Tổng công ty rau quả nông sản; Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP; Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

IV. KHỐI CÔNG TY:

1. Khối Công ty thuộc lĩnh vực Thủy lợi và Xây dựng: (10 đơn vị)

Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình Thủy lợi Bắc Nam Hà; Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình Thủy lợi Dầu Tiếng; Công ty cổ phần Nước ngầm II; Công ty cổ phần Tàu Cuốc; Công ty cổ phần xây dựng 47; Công ty cổ phần xây dựng 40; Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng thủy lợi II; Công ty cổ phần Khai thác nước ngầm I; Công ty cổ phần xây dựng và thiết kế số 1; Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình Thủy lợi Bắc Hưng Hải.

2. Khối Công ty thuộc lĩnh vực Nông, Lâm, Thủy sản: (11 đơn vị)

Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ khai thác Hải sản Biển Đông; Công ty cổ phần Ong Trung ương; Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương; Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y Trung ương 1; Công ty TNHH một TV Thuốc thú y Trung ương 2; Công ty cổ phần giống cây trồng miền Nam; Công ty cổ phần Giống Lâm nghiệp Thanh Hoá; Công ty

cổ phần Dịch vụ Giồng và Vật tư trồng rừng Hà Nội; Công ty cổ phần Nông dược 2; Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi; Công ty cổ phần Giồng lâm nghiệp Trung ương.

3. Khối Công ty thuộc lĩnh vực dịch vụ: (11 đơn vị)

Công ty cổ phần Long Hiệp; Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ngũ cốc; Công ty cổ phần Biển Việt; Công ty Dược và Vật tư Thú y; Công ty Giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm; Công ty Khử trùng và giám định Việt Nam; Công ty TNHH Nhà xuất bản nông nghiệp; Công ty cổ phần Giám định và khử trùng FCC; Công ty cổ phần Giám định cà phê và hàng hoá xuất nhập khẩu; Công ty cổ phần Xây dựng dịch vụ và hợp tác lao động (OLECO); Công ty cổ phần In Nông nghiệp.

V. KHỐI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ

1. Khối các đơn vị thuộc Tổng cục

a) Các đơn vị thuộc Tổng cục Lâm nghiệp chia thành 02 khối thi đua:

Khối 1: các đơn vị quản lý nhà nước: Cục, Vụ, Văn phòng.

Khối 2: các Trung tâm, Vườn quốc gia.

b) Các đơn vị thuộc Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Thủy sản: mỗi Tổng cục là 01 khối thi đua.

2. Khối các đơn vị thuộc Viện đặc biệt, Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam

Tự quyết định chia khối thi đua sau khi xin ý kiến và có văn bản chấp thuận của Bộ (01 khối khoảng 10 đơn vị).

3. Khối các đơn vị thuộc Tổng công ty

a) Đối với Tổng công ty có từ 15 đơn vị thành viên trở xuống là 01 khối thi đua.

b) Đối với Tổng công ty có trên 15 đơn vị thành viên, tự quyết định phân chia khối thi đua sau khi xin ý kiến và có văn bản chấp thuận của Bộ (01 khối khoảng 10 đơn vị).

5. Khối các đơn vị thuộc Cục, Viện, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, các Trường Đại học và Công ty

a) Đối với đơn vị có từ 05 đơn vị thành viên trở lên là 01 khối thi đua.

b) Đối với đơn vị có dưới 05 đơn vị thành viên không đủ thành lập khối thi đua, hàng năm lựa chọn 01 đơn vị xuất sắc nhất đề nghị tặng Cờ thi đua theo quy định tại Điều 11 của Thông tư này.

VI. KHỐI CÁC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Khối 1: Vùng Trung du miền núi Bắc bộ gồm 15 tỉnh:

Lạng Sơn, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Giang, Quảng Ninh, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Phú Thọ.

2. Khối 2: Vùng đồng bằng sông Hồng gồm 8 tỉnh và 02 thành phố:

Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam.

3. Khối 3: Vùng Bắc Trung bộ gồm 6 tỉnh:

Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

4. Khối 4: Vùng Duyên hải Nam Trung bộ gồm 01 thành phố và 6 tỉnh:

Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

5. Khối 5: Vùng Tây Nguyên gồm 5 tỉnh:

Gia Lai, Kon Tum, Đắk Nông, Lâm Đồng, Đắk Lắk.

6. Khối 6: Vùng Đông Nam bộ gồm 6 tỉnh và 01 thành phố:

Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Khối 7: Vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm 12 tỉnh và 01 thành phố:

Trà Vinh, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, thành phố Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long.

VII. KHỐI CÁC HỘI, HIỆP HỘI

1. Khối Hội là 01 khối thi đua.
2. Khối Hiệp hội là 01 khối thi đua./.

PHỤ LỤC 2

CÁC MẪU VĂN BẢN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Thông tư số 47/2015/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 1	Công văn đăng ký thi đua
Mẫu số 2	Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị
Mẫu số 3	Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của đơn vị
Mẫu số 4	Tờ trình đề nghị công nhận sáng kiến
Mẫu số 5	Báo cáo tóm tắt sáng kiến
Mẫu số 6	Báo cáo đề nghị công nhận sáng kiến
Mẫu số 7	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua và Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tập thể Lao động xuất sắc; Giấy khen đối với tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác
Mẫu số 8	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua, Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Giấy khen đối với cá nhân có thành tích thực hiện nhiệm vụ công tác
Mẫu số 9	Báo cáo thành tích đề nghị tặng (hoặc truy tặng) Huân chương cho cá nhân có quá trình cống hiến trong các tổ chức, cơ quan và đoàn thể
Mẫu số 10	Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác
Mẫu số 11	Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng (truy tặng) danh hiệu Anh hùng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác
Mẫu số 12	Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Giấy khen (cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất)
Mẫu số 13	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề (cho tập thể, cá nhân)
Mẫu số 14	Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Giấy khen (cho tập thể, cá nhân nước ngoài)

Mẫu số 1:

**ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....
V/v đăng ký danh hiệu thi đua
năm

(Địa danh), ngày tháng năm

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Trưởng khối thi đua.....

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng và Thông tư số ngày.....của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Tên đơn vị)... đăng ký các danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân trong năm như sau:

I. Tập thể

1. Tập thể Lao động xuất sắc cho.....tập thể.
2. Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho...tập thể.
3. Cờ thi đua của Chính phủ cho... tập thể.

II. Cá nhân:

1. Chiến sỹ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho... cá nhân.
2. Chiến sỹ thi đua toàn quốc cho... cá nhân.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đối với danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đã được Bộ trưởng ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị quyết định khen thưởng thì không tổng hợp vào danh sách này mà lưu tại đơn vị.
- Đối với các danh hiệu “Chiến sỹ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”, “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”, “Cờ thi đua của Chính phủ” các đơn vị gửi kèm danh sách tên cá nhân, tập thể đăng ký thi đua.
- Đối với danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở” các đơn vị tổ chức đăng ký thi đua cho tập thể, cá nhân của đơn vị và lưu theo đúng quy định.

Mẫu số 2:

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-.....

(Địa danh), ngày.....tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

V/v Đề nghị khen thưởng

Kính gửi :

Thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng;

Thực hiện Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ, Thông tư số/2015/TT-BNNPTNT ngày ... tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua và khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thủ trưởng đơn vị, (Tên đơn vị) kính trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét khen thưởng (hoặc đề nghị khen thưởng) cho các tập thể và cá nhân sau (có danh sách kèm theo):

I. Đề nghị Bộ trưởng khen thưởng:

1. Tập thể Lao động xuất sắc cho tập thể.
2. Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... tập thể.
3. Chiến sỹ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... cá nhân.
4. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... tập thể và... cá nhân.

II. Đề nghị Bộ trưởng trình khen thưởng:

1. Chiến sỹ thi đua toàn quốc cho..... cá nhân.
2. Cờ thi đua của Chính phủ cho..... tập thể.
3. Huân chương.....hạng....cho....tập thể và.... cá nhân.
4. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho....tập thể và cá nhân.

.....

(Thủ trưởng đơn vị đề nghị) kính trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, khen thưởng (hoặc đề nghị khen thưởng)./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú: Bỏ khoản 1 mục I đối với đơn vị được Bộ trưởng ủy quyền khen thưởng

Mẫu số 3:

**ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
HỘI ĐỒNG TĐKT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN HỌP
Hội đồng thi đua khen thưởng (Tên đơn vị).....

Ngày.....thángnăm....., Hội đồng Thi đua khen thưởng (Tên đơn vị) đã họp dưới sự chủ trì của (họ và tên, chức danh người chủ trì).

- Thành phần dự họp:

1. (họ và tên, chức danh).....;
2.;
3. Thư ký;

- Nội dung họp:

.....

- Kết luận:

Sau khi xét thành tích và cân đối chung trong đơn vị, Hội đồng Thi đua khen thưởng (Tên đơn vị) nhất trí đề nghị (Thủ trưởng đơn vị) xem xét khen thưởng và trình (Thủ trưởng đơn vị cấp trên) xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân sau:

I. Danh hiệu thi đua:

1. “Tập thể lao động tiên tiến” cho ... tập thể, gồm:

- (Tên tập thể được đề nghị)....

2. “Tập thể lao động xuất sắc” cho ... tập thể, gồm:

- (Tên tập thể được đề nghị)....

3. “Cờ thi đua của Chính phủ” chotập thể, gồm:

- (Tên tập thể được đề nghị)....

4. “Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” cho... tập thể, gồm:

- (Tên tập thể được đề nghị)....

5. “Lao động tiên tiến” cho ... cá nhân, gồm:

- (Tên cá nhân được đề nghị)....

6. Chiến sĩ thi đua toàn quốc cho ... cá nhân, gồm:

- (Tên cá nhân được đề nghị)....

7. Chiến sĩ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... cá nhân, gồm:

- (Tên cá nhân được đề nghị)....

8. Chiến sĩ thi đua cơ sở cho ... cá nhân, gồm:

- (Tên cá nhân được đề nghị)....

II. Hình thức khen thưởng:

1. Huân chương hạng cho ... tập thể và ... cá nhân, gồm:

- (Tên tập thể hoặc cá nhân được đề nghị)....

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho ... tập thể và ... cá nhân, gồm:

- (Tên tập thể hoặc cá nhân được đề nghị)....

3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... tập thể và ... cá nhân, gồm:

- (Tên tập thể và cá nhân được đề nghị)....

4. Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị cho ... tập thể và ... cá nhân, gồm:

- (Tên tập thể và cá nhân được đề nghị)....

Biên bản này làm cơ sở để lập tờ trình cấp trên xét khen thưởng./

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký tên, ghi họ và tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký tên, ghi họ và tên, chức danh)

Lưu ý: Không được viết tắt tên tập thể và cá nhân, chức danh, chức vụ

Mẫu số 4:

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-.....

(Địa danh), ngày.....tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

V/v đề nghị công nhận sáng kiến cấp ⁽¹⁾

Kính gửi: Hội đồng sáng kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số/2015/TT-BNNPTNT ngày ... tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua và khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Biên bản họp Hội đồng sáng kiến

.....(Tên đơn vị) đề nghị Hội đồng sáng kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét, công nhận và đánh giá phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến ⁽¹⁾..... cho ⁽²⁾..... sáng kiến (có danh sách kèm theo):

Kính đề nghị Hội đồng sáng kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Cấp ngành, cấp toàn quốc
⁽²⁾ Số lượng sáng kiến đề nghị

Mẫu số 5:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO TÓM TẮT SÁNG KIẾN

TT	Tên, chức vụ, đơn vị công tác	Tên sáng kiến	Nội dung sáng kiến	Tác dụng/Hiệu quả
1				
2				
...				

Người lập bảng
(Ký ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 6:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Đề nghị công nhận sáng kiến.....

Kính gửi: Hội đồng sáng kiến cấp ⁽¹⁾.....

Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có)

Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến: ⁽²⁾.....

- Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: ⁽³⁾.....

- Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử, (ghi ngày nào sớm hơn).....

- Mô tả bản chất của sáng kiến:

+ Tình trạng giải pháp đã biết (nêu hiện trạng trước khi áp dụng giải pháp mới; phân tích ưu, nhược của giải pháp cũ để thấy sự cần thiết của giải pháp mới);

+ Nội dung giải pháp đề nghị công nhận là sáng kiến (mục đích của giải pháp; nội dung giải pháp phải chỉ ra tính mới, cách thức thực hiện, các bước thực hiện, điều kiện cần để áp dụng giải pháp);

+ Khả năng áp dụng của giải pháp

- Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến:.....

- Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan sáng kiến trên được tạo ra không sao chép, không vi phạm bản quyền./.

.....(địa danh), ngày ... tháng... năm

Người viết báo cáo
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Cấp đề nghị công nhận

⁽²⁾ Tên sáng kiến đề nghị công nhận

⁽³⁾ Ghi rõ lĩnh vực áp dụng: điện tử, viễn thông, xây dựng, dịch vụ.....

Mẫu số 7: Báo cáo thành tích đề nghị tặng: Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua của Bộ và Bằng khen Bộ trưởng; Tập thể Lao động xuất sắc; Giấy khen đối với tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác⁽¹⁾.

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTTr-.....

(Địa danh), ngày.....tháng..... năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ KHEN⁽²⁾

Tên tập thể đề nghị
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất), các tổ chức đảng, đoàn thể⁽³⁾

2. Chức năng, nhiệm vụ: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Báo cáo thành tích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan (đơn vị) và đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Nội dung báo cáo nêu rõ những thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu (nhiệm vụ) cụ thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác so với các năm trước (hoặc so với lần khen thưởng trước đây); việc đổi mới công tác quản lý, cải cách hành chính; các giải pháp công tác, sáng kiến, kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ban, ngành, địa phương và cả nước⁽⁴⁾.

2. Những biện pháp hoặc nguyên nhân đạt được thành tích; các phong trào thi đua đã được áp dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác.

3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁽⁵⁾.

4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể⁽⁶⁾.

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁷

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:		
Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Đối với trình khen thưởng cấp nhà nước)

¹ Báo cáo thành tích 25 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Sao vàng, 15 năm đối với Huân chương Hồ Chí Minh, 10 năm đối với Huân chương Độc lập, 05 năm đối với Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 năm đối với Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ, Tập thể lao động xuất sắc và Giấy khen; 02 năm đối với Bằng khen cấp Bộ.

² Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

³ Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh cần nêu tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động; nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng ...).

⁴ Tùy theo hình thức đề nghị khen thưởng, nêu các tiêu chí cơ bản trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (có so sánh với năm trước hoặc 05 năm, 10 năm trước thời điểm đề nghị), ví dụ:

- Đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động ... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Đối với trường học: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số học sinh, hạnh kiểm và kết quả học tập; số học sinh giỏi cấp trường, cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), cấp tỉnh (thành phố thuộc Trung ương), cấp quốc gia, số giáo viên giỏi các cấp; số đề tài nghiên cứu,...

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí, số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội, ...).

⁵ Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên; hoạt động xã hội, từ thiện ...

⁶ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể.

⁷ Nêu các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

Lưu ý: Báo cáo thành tích đề nghị xét tặng cờ: ngoài các nội dung báo cáo theo mẫu và nội dung Quy định, trong báo cáo thành tích cần làm rõ nội dung “Có nhân tố mới, mô hình mới” tiêu biểu cho toàn ngành hoặc cả nước học tập.

Mẫu số 8 : Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, Bằng khen Bộ trưởng và Giấy khen đối với cá nhân có thành tích thực hiện nhiệm vụ công tác. (1)

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
KHEN THƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG²
(Mẫu báo cáo này áp dụng đối với cá nhân)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

**XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Đối với trình khen thưởng cấp nhà nước)

¹ Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Độc lập, 05 năm đối với Huân chương Lao động, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 06 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, 03 năm đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ; 02 năm đối với Bằng khen cấp bộ; 01 năm đối với Chiến sỹ thi đua cơ sở và Giấy khen.

² Ghi rõ hình thức đề nghị khen thưởng.

³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh): tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).

⁴ Nêu thành tích cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao (kết quả đã đạt được về năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ; các biện pháp, giải pháp công tác trong việc đổi mới công tác quản lý, những sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học; việc đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào thực tiễn; việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; công tác bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức; chăm lo đời sống cán bộ, nhân viên, vai trò của cá nhân trong công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể; công tác tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện ...).

- Đối với cán bộ làm công tác quản lý nêu tóm tắt thành tích của đơn vị, riêng thủ trưởng đơn vị kinh doanh lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Giá trị tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi); phúc lợi xã hội; thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động ... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

- Đối với trường học: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số học sinh, hạnh kiểm và kết quả học tập; số học sinh giỏi cấp trường, cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), cấp tỉnh (thành phố thuộc Trung ương), cấp quốc gia; số giáo viên giỏi các cấp; số đề tài nghiên cứu,...

- Đối với bệnh viện: Lập bảng thống kê so sánh các tiêu chí: Tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số người được điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám, điều trị bệnh, chữa bệnh miễn phí; số đề tài nghiên cứu khoa học, các sáng kiến, áp dụng khoa học (giá trị làm lợi về kinh tế, xã hội, ...).

- Đối với các hội đoàn thể, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ công tác trọng tâm và các chương trình công tác của Trung ương hội, đoàn thể giao.

- Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, lấy kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trong quản lý nhà nước, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và công tác tham mưu cho lãnh đạo trong phát triển đơn vị, ngành, địa phương ...

⁵ Nêu các hình thức khen thưởng đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

- Ghi rõ số quyết định công nhận danh hiệu thi đua trong 05 năm trước thời điểm đề nghị đối với Huân chương Lao động hạng ba, 05 năm đối với Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ v.v...

- Đối với đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua toàn quốc":

+ Ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm, ký quyết định của 02 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp Bộ" và 06 lần đạt danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở" trước thời điểm đề nghị;

+ Ghi rõ nội dung các sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp hữu ích trong quản lý, công tác hoặc đề tài nghiên cứu (tham gia là thành viên hoặc chủ nhiệm đề tài khoa học), có ý kiến xác nhận của Hội đồng

sáng kiến, khoa học cấp Bộ, cấp tỉnh (ghi rõ văn bản, ngày, tháng, năm) hoặc phải có giấy chứng nhận của Hội đồng kèm theo hồ sơ.

- Đối với báo cáo đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp Bộ" ghi rõ thời gian 03 lần liên tục được tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở" trước thời điểm đề nghị; các sáng kiến được cấp có thẩm quyền công nhận.

⁶ Nêu các sáng kiến và phạm vi ảnh hưởng đã được Hội đồng sáng kiến (Hội đồng khoa học) các cấp công nhận: 02 sáng kiến cấp cơ sở đối với Bằng khen Bộ trưởng; 05 sáng kiến cấp cơ sở đối với Bằng khen Thủ tướng; 02 sáng kiến cấp Bộ đối với Huân chương Lao động hạng 3; 03 sáng kiến cấp Bộ đối với Huân chương Lao động hạng nhì; 04 sáng kiến cấp Bộ đối với Huân chương Lao động hạng nhất.

	khen thưởng	hành quyết định

IV. KỶ LUẬT⁶

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ QUẢN LÝ
CÁN BỘ XÁC NHẬN⁷
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO⁸
(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP **VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

¹ Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

² Trường hợp có nhiều bí danh thì chỉ ghi bí danh thường dùng.

³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương) theo địa danh mới.

⁴ Nêu quá trình tham gia cách mạng, các chức vụ đã đảm nhận, thời gian giữ từng chức vụ từ khi tham gia công tác đến khi đề nghị khen thưởng. Đối với trường hợp đã nghỉ hưu (hoặc từ trần) chưa được khen thưởng thì báo cáo quá trình công tác đến khi nghỉ hưu (hoặc từ trần).

⁵ Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen trở lên) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

⁶ Ghi rõ hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên từ khi công tác đến khi đề nghị khen thưởng (nếu có).

⁷ Đối với cán bộ đã nghỉ hưu, trước khi xác nhận cần xem xét việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại nơi cư trú.

Đối với cán bộ thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý do Ban tổ chức tỉnh ủy hoặc thành ủy xác nhận.

⁸ Đối với cán bộ đã từ trần: Đơn vị quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc từ trần) thì cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu hoặc từ trần có trách nhiệm báo cáo, kê khai quá trình công tác (ghi rõ họ, tên, chức vụ người tóm tắt quá trình công tác).

Mẫu số 10: Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác¹.

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
KHEN THƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ PHONG TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG.....²**

Tên tập thể đề nghị
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm, tình hình:

- Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử;
- Quá trình thành lập và phát triển;
- Những đặc điểm chính của đơn vị, địa phương (về điều kiện tự nhiên, xã hội, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức đảng, đoàn thể); những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ³.

2. Chức năng nhiệm vụ được giao: Chức năng, nhiệm vụ được giao.

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

1. Nêu rõ những thành tích đặc biệt xuất sắc trong lao động sáng tạo (về năng suất, chất lượng, hiệu quả hoặc lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội)⁴.
2. Các giải pháp, biện pháp để đạt thành tích xuất sắc trong lao động, công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu⁵.
3. Việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước⁶.
4. Hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể⁷:

III. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG⁸

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
NHẬN XÉT, XÁC NHẬN**

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

(Ký, đóng dấu)

**XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Báo cáo thành tích 10 năm trước thời điểm đề nghị (trừ báo cáo thành tích đặc biệt xuất sắc, đột xuất hoặc thành tích đặc biệt khác).

² Ghi danh hiệu đề nghị (Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân).

³ Đối với Đơn vị sản xuất kinh doanh nêu rõ tình hình tài chính: Tổng số vốn cố định, lưu động; nguồn vốn (ngân sách, tự có, vay ngân hàng ...).

⁴ Nêu rõ nội dung thành tích đạt được theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 (đối với danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân); Khoản 2, Điều 44 (đối với Anh hùng Lao động) của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ). Thống kê việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản trong 10 năm gần đây (có so sánh với các năm trước); ví dụ:

- Các tiêu chí cơ bản đối với trường học: Tổng số học sinh, chất lượng và kết quả học tập; có bảng thống kê so sánh về hạnh kiểm, số học sinh giỏi cấp quận (huyện, thị xã), tỉnh (thành phố), quốc gia; số giáo viên giỏi cấp quận (huyện, thị xã), tỉnh (thành phố), quốc gia; số đề tài, sáng kiến cải tiến công tác giảng dạy ...

- Đối với bệnh viện: Có bảng thống kê so sánh về tổng số người khám, chữa bệnh; tổng số điều trị nội, ngoại trú; tổng số giường bệnh đưa vào sử dụng; số người được khám miễn phí; chất lượng khám, chữa bệnh; số đề tài nghiên cứu khoa học, số sáng kiến áp dụng khoa học kỹ thuật trong khám, chữa bệnh

- Đối với đơn vị sản xuất kinh doanh: Có bảng thống kê để so sánh về tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nộp ngân sách, đầu tư tái sản xuất, thu nhập bình quân, số sáng kiến cải tiến, áp dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế; phúc lợi xã hội; việc thực hiện chính sách bảo hiểm đối với người lao động ... việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

⁵ Nêu các biện pháp để đạt thành tích dẫn đầu trong đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học ... mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội đối với Bộ, ngành, địa phương được nhân dân và cấp có thẩm quyền công nhận.

⁶ Việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên chức; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phòng chống cháy, nổ; các hoạt động xã hội, từ thiện ...

⁷ Công tác xây dựng đảng, đoàn thể: Nêu vai trò, kết quả hoạt động và xếp loại của tổ chức đảng, đoàn thể.

⁸ Nêu các hình thức khen thưởng (từ Bằng khen, danh hiệu thi đua) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số Quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

Mẫu số 11 : Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng (truy tặng) danh hiệu Anh hùng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác¹.

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
KHEN THƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG (TRUY TẶNG) DANH HIỆU ANH HÙNG.....²**

Họ tên, chức vụ và đơn vị công tác của cá nhân đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

² Ghi rõ danh hiệu đề nghị Nhà nước phong tặng (Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân).

³ Đơn vị hành chính: Xã (phường, thị trấn); huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); tỉnh (thành phố thuộc Trung ương) theo địa danh mới.

⁴ Nêu rõ nội dung thành tích đạt được theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 hoặc Khoản 1 Điều 44 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Đối với lãnh đạo đơn vị cần nêu tóm tắt thành tích của đơn vị; lập bảng thống kê các chỉ tiêu, nhiệm vụ cơ bản trong 10 năm gần đây (có so sánh với các năm trước nhằm làm rõ vai trò của cá nhân đối với tập thể), vai trò cá nhân trong việc tham gia xây dựng tổ chức đảng, đoàn thể (kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể); nếu là đơn vị sản xuất, kinh doanh nêu việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

⁵ Nêu các biện pháp để đạt được thành tích đặc biệt xuất sắc trong đổi mới công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, sáng kiến, các giải pháp, kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu ...) có ý nghĩa chính trị, xã hội đối với Bộ, ngành, địa phương, được quần chúng nêu gương học tập và cấp có thẩm quyền công nhận.

⁶ Gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định nơi cư trú, phẩm chất đạo đức, tác phong, xây dựng gia đình văn hóa; tham gia các phong trào thi đua; thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí và các hoạt động xã hội, từ thiện

...
⁷ Nêu các hình thức khen thưởng (tờ Bằng khen, danh hiệu thi đua) đã được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tặng hoặc phong tặng (ghi rõ số quyết định, ngày, tháng, năm ký quyết định).

⁸ Đối với cá nhân đã hy sinh (tử trận): Ghi rõ họ, tên, chức vụ người viết báo cáo.

Mẫu số 12 : Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen Bộ trưởng, Giấy khen (cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất).

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
KHEN THƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG)¹
(Về thành tích xuất sắc đột xuất trong)

Tên đơn vị hoặc cá nhân, chức vụ và đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi rõ đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị ghi sơ lược năm thành lập, cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức. Chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo nêu ngắn, gọn nội dung thành tích xuất sắc đột xuất đã đạt được (trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; phòng, chống tội phạm; phòng, chống bão lụt; phòng chống cháy, nổ; bảo vệ tài sản của nhà nước; bảo vệ tài sản, tính mạng của nhân dân ...).

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ²
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Đối với trình khen thưởng cấp nhà nước)

¹ Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

² Đối với cá nhân: Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan.

Mẫu số 13: Báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề (cho tập thể, cá nhân).

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
KHEN THƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG**¹

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ: Họ và tên (bí danh), ngày, tháng, năm sinh; quê quán; nơi thường trú; nghề nghiệp; chức vụ, đơn vị công tác ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Báo cáo thành tích phải căn cứ vào mục tiêu (nhiệm vụ), các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng, hiệu quả ... đã được đăng ký trong đợt phát động thi đua hoặc chuyên đề thi đua; các biện pháp, giải pháp đạt được thành tích xuất sắc, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội, dẫn đầu phong trào thi đua; những kinh nghiệm rút ra trong đợt thi đua²

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP NHẬN XÉT, XÁC NHẬN
(Ký, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ³
(Ký, đóng dấu)

**XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Đối với trình khen thưởng cấp nhà nước)

¹ Ghi hình thức đề nghị khen thưởng. Chỉ áp dụng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành, địa phương; trường hợp xuất sắc, tiêu biểu mới đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, trường hợp đặc biệt xuất sắc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương.

² Nếu là tập thể hoặc thủ trưởng đơn vị sản xuất, kinh doanh phải nêu việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

³ Đối với cá nhân: Ký, ghi rõ họ, tên và có xác nhận của thủ trưởng cơ quan.

Mẫu số 14: Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ và Giấy khen (cho tập thể, cá nhân người nước ngoài).

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
KHEN THƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG (TRUY TẶNG)**¹

Tên đơn vị hoặc cá nhân và chức vụ, đơn vị đề nghị khen thưởng
(Ghi đầy đủ bằng chữ in thường, không viết tắt)

I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Đối với đơn vị: Địa điểm trụ sở chính, điện thoại, fax; địa chỉ trang tin điện tử; cơ cấu tổ chức, tổng số cán bộ, công chức và viên chức; chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với cá nhân ghi rõ họ và tên, năm sinh, giới tính, đơn vị, chức vụ, trình độ chuyên môn ...

II. THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- Báo cáo nêu rõ kết quả đã đạt được trong sản xuất, công tác; những đóng góp của tập thể (cá nhân) đối với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước Việt Nam.

- Việc chấp hành chính sách, pháp luật Việt Nam (nghĩa vụ nộp ngân sách, bảo đảm quyền lợi người lao động, bảo vệ môi trường, tôn trọng phong tục tập quán ...) và các hoạt động từ thiện, nhân đạo ...².

- Những đóng góp trong việc xây dựng, củng cố tình đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với Việt Nam³.

III. CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TẶNG THƯỞNG

1. Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định

2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
TRỰC TIẾP XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ KHEN
THƯỞNG XÁC NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Đối với trình khen thưởng cấp nhà nước)

¹ Ghi hình thức đề nghị khen thưởng.

² Nếu là tập thể hoặc người đứng đầu đơn vị sản xuất, kinh doanh phải nêu việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; đảm bảo môi trường, an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm (có trích lục và nội dung xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

³ Đối với cá nhân người nước ngoài chỉ xét, đề nghị khen thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ hoặc kết thúc giai đoạn công tác tại Việt Nam.